

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẤT VIỆT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẤT VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAT VIET BUILD TRADING EXPORT IMPORT CORPORATIO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DATVIET EXPORT .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107001655

3. Ngày thành lập: 21/09/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 32/3 phố Tùng Thiện, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966685319/0916026246

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
5.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
6.	Trồng cây hàng năm khác	0119
7.	Trồng cây ăn quả chi tiết: Trồng cây cam, cây quýt và các loại quả có múi khác Trồng cây ăn quả khác	0121
8.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
9.	Trồng cây hồ tiêu	0124
10.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
11.	Trồng cây lâu năm khác	0129
12.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
13.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
14.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
15.	Chăn nuôi lợn	0145
16.	Chăn nuôi gia cầm	0146
17.	Chăn nuôi khác	0149
18.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

19.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
23.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
24.	Khai thác gỗ	0221
25.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
26.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
27.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
28.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
29.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
30.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
31.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
32.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
33.	In ấn	1811
34.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
35.	Vận tải đường ống	4940
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan) Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác	5210
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
38.	Bưu chính	5310
39.	Chuyển phát	5320
40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn	5510
41.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
42.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	5621

45.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
46.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
47.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
48.	Thu gom rác thải độc hại	3812
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
50.	Tái chế phế liệu	3830
51.	Xây dựng nhà các loại	4100
52.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
53.	Xây dựng công trình công ích	4220
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290(Chính)
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
61.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
62.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
63.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
64.	Bán buôn thực phẩm chi tiết: Bán buôn cà phê Bán buôn chè	4632
65.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
66.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
68.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
69.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
70.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
71.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ xe chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng xe lam, xe lôi - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ	4933
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu	8299
74.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
75.	Cho thuê xe có động cơ chi tiết: Cho thuê ô tô Cho thuê xe có động cơ khác	7710
76.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
77.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
78.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
79.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
80.	Đại lý du lịch	7911
81.	Điều hành tua du lịch	7912
82.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
83.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
84.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
85.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
86.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	THIỀU VĨNH HÀ	Khu TT bệnh viện 105, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	4	026072000458	
			Tổng số	40.000	400.000.000	4		
2	LƯU VĂN YÊN	Số 9/79/81 Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30	031070000745	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30		
3	NGUYỄN NGỌC DU	Thôn Bình Dy, Xã Kỳ Sơn, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30	142711555	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: THIỀU VĨNH HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 22/06/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026072000458

Ngày cấp: 25/08/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Khu TT bệnh viện 105, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Khu TT bệnh viện 105, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

